

Bản án số: 112/2021/HSST

Ngày: 17/05/2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Minh Hồng

2. Ông Hoàng Văn Tiến

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Hồng Hà

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12/05/2021 và 17/05/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên, Thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 375/TLST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐHPT-HS ngày 09 tháng 02 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐHPT-HS ngày 05 tháng 03 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2021/QĐHPT-HS ngày 31 tháng 03 năm 2021 Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐHPT-HS ngày 15 tháng 04 năm 2021 đối với bị cáo:

LÊ PHÚ B, sinh năm: 1974; HKTT và nơi ở: P khu tập thể Đ, phường Q, Đống Đa, Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Lê Duy L (sinh năm 1942) và bà Nguyễn Thị Th (sinh năm 1949); Bị cáo có vợ là Lê Thu H (sinh năm: 1977); có 01 con (sinh năm: 2014); gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ nhất; Theo danh chỉ bản số 600 lập ngày 19/10/2020 Công an quận Long Biên và lý lịch địa phương cung cấp, bị cáo có 01 tiền sự, 01 tiền án:

- Năm 2003, Công an quận Đống Đa, Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi Đánh bạc (Đã hết thời hiệu);

- Bản án số 225 ngày 16/6/1992 của TAND quận Đống Đa xử phạt 10 tháng cải tạo không giam giữ về tội trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa (Đã được xóa án tích).

Nhân thân: Ngày 04/12/2008 bị cơ quan CSĐT Công an quận Long Biên, Hà Nội khởi tố bị can, ngày 24/01/2009 ra Quyết định truy nã đối với Lê Phú B về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999. Hiện áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

*** Bị hại: Anh Phạm Bá S** - Sinh năm: 1975 – Giám đốc Công ty TNHH

Thương mại xây dựng sản xuất S D; Trụ sở: Số Y, phường Đ, Long Biên, Hà Nội; anh S hiện đang bị tạm giam tại Trại giam số 1 Công an thành phố Hà Nội theo bản án số 12/2020/HS-ST ngày 10/01/2020 của TAND thành phố Hà Nội (Vắng mặt).

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ông Phạm Bá T, sinh năm: 1954; Trú tại: Tổ Y, phường N, Long Biên, Hà Nội (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bị cáo Lê Phú B bị Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên truy tố về hành vi phạm tội như sau: Ngày 06/08/2008, Công an phường Đức Giang, Long Biên, Hà Nội nhận được đơn trình báo của anh Phạm Bá S, sinh năm 1975, HKTT: phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, Hà Nội là Giám đốc đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn S D có trụ sở: Số 58 Ngõ Gia Tự, phường Đức Giang, Long Biên, Hà Nội (gọi tắt là Công ty S Dương) về việc: Nhân viên của Công ty S D là Lê Phú B có hành vi chiếm đoạt số tiền 145.350.000 đồng của công ty.

Nhận được tin báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Long Biên đã tiến hành điều tra xác minh làm rõ nội dung sự việc như sau:

Lê Phú B làm nhân viên của Công ty S D (có hợp đồng lao động). B được công ty giao nhiệm vụ đi giao hàng và thu tiền hàng từ các đại lý, sau đó mang tiền về nộp lại cho Công ty. Ngày 06/06/2008, Lê Phú B mang S của Công ty S D đi giao cho đại lý S Mạnh Dung tại Thợ Xuân, Đan Phượng, Hà Nội. Sau khi giao S xong, Lê Phú B được chị Trần Thị Dung, sinh năm: 1985, HKTT: xã Thợ Xuân, huyện Đan Phượng, Hà Nội là chủ đại lý S Mạnh Dung trả 10.000.000 đồng. Ngày 30/07/2008, Lê Phú B mang S của công ty S D đi giao cho đại lý S Mạnh Dung. Lần này, chị Dung trả cho B 20.000.000 đồng. Hai lần nhận tiền trên của chị Dung, B đã gọi điện thoại và nói với anh S - Giám đốc là đang cần tiền chi tiêu cá nhân nên anh S nói với B cứ cầm tiền bán S chi tiêu trước, đến cuối tháng thì tính toán trừ vào lương của B sau. Ngày 05/08/2008, B mang S của Công ty S D đi giao cho đại lý S Anh Đức ở Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh. Lần này, B đi cùng với anh Vũ Đình Thái, sinh năm: 1985, trú tại: Số 83 ngõ 253 Nguyễn Văn Linh, phường Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội là nhân viên bốc xếp và anh Bùi Văn Tráng, sinh năm: 1985, trú tại: Tổ 17 phường Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội là nhân viên lái xe. Sau khi giao hàng xong, chị Nguyễn Thị Cẩm Hương, sinh năm: 1980, trú tại: Số 4 - Tổ 48, khu 3 phường Cao Xanh, Hạ Long, Quảng Ninh là chủ đại lý S Anh Đức trả cho B 145.350.000 đồng. Đến 18 giờ cùng ngày, B cùng với anh Thái và anh Tráng đi về đến công ty may 10 thuộc phường Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội thì B bảo anh Tráng dừng xe ô tô để B xuống xe. Lúc này, B nghe tin công ty sẽ điều chuyển B về làm bộ phận khác và thấy khách hàng nói với B là công ty không còn tin tưởng B nữa nên B đã nảy sinh ý định chiếm đoạt toàn bộ số tiền 175.350.000 đồng của công ty mà B đang cầm và bỏ trốn. Anh S đã gọi điện cho B để yêu cầu B trả lại tiền cho công ty nhưng B tắt máy điện thoại, không đến công ty làm việc nên anh S đã viết đơn trình báo đến Cơ quan Công an trình báo sự việc trên và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tang vật thu giữ: 02 giấy biên nhận thu tiền có chữ ký của Lê Phú B đề ngày 30/7/2008.

Cơ quan CSĐT Công an quận Long Biên đã ra Quyết định định trưng cầu giám định số 433 ngày 27/8/2020, giám định chữ ký trên 02 giấy biên nhận thu tiền có chữ ký của Lê Phú B. Tại kết luận giám định số 8983/KLGĐPC09-25 ngày 21/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hà Nội kết luận:

- Chữ ký dưới mục “người thu tiền” trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 với chữ ký đứng tên Lê Phú B trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký dưới mục “người trả tiền” trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 với chữ ký đứng tên Trần Thị Dung trên các mẫu so sánh ký hiệu M3, M4 là do cùng một người ký ra.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Long Biên đã tiến hành cho bị hại và những người làm chứng tiến hành nhận dạng, kết quả như sau: Chị Trần Thị Dung nhận ra Lê Phú B là nhân viên Công ty S Dlà người nhận 02 lần thanh toán tiền hàng của chị với tổng số tiền 30.000.000 đồng; Anh Bùi Văn Tráng nhận ra Lê Phú B là người cùng với anh Tráng và anh Thái đi giao hàng cho đại lý S Anh Đức. B đã cầm số tiền thanh toán của Công ty Anh Đức là 145.350.000 đồng nhưng không đem về trả công ty.

Ngày 04/12/2008, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Long Biên ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can và Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Lê Phú B về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999.

Ngày 24/01/2009, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Long Biên ra Quyết định truy nã đối với bị can Lê Phú B.

Ngày 02/03/2009, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Long Biên ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự và Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can Lê Phú B.

Đến ngày 08 tháng 07 năm 2020, B bị Công an phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội bắt giữ theo quyết định truy nã của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Long Biên, sau đó ngày 09/7/2020 B được bàn giao cho Công an quận Long Biên để xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/07/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Long Biên ra Quyết định Đình nã đối với bị can Lê Phú B, Quyết định phục hồi điều tra vụ án hình sự, Quyết định phục hồi điều tra bị can Lê Phú B.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Long Biên Lê Phú B đã khai nhận hành vi chiếm đoạt số tiền 175.350.000 đồng của Công ty S Dnhư nội dung nêu trên phù hợp với tài liệu điều tra thu thập được.

Về dân sự: Lê Phú B đã tự nguyện giao nộp số tiền 175.350.000 đồng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra để khắc phục hậu quả. Hiện anh Phạm Bá S - Giám đốc Công ty TNHH S Dđang bị tạm giam tại trại tạm giam số 1 – Công an TP. Hà Nội nên không có điều kiện để nhận và quản lý số tiền trên nên anh S đã yêu cầu Cơ quan điều tra trao trả số tiền trên cho ông Phạm Bá T, sinh năm: 1954, HKTT: Tổ

4, phường Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội là bố đẻ của anh S . Ông T đã nhận được số tiền trên, anh S và ông T không có yêu cầu gì khác về dân sự và viết đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho Lê Phú B .

Tại bản cáo trạng số 364/CT-VKS-LB ngày 30/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên truy tố Lê Phú B về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 2 Điều 140 của Bộ luật hình sự 1999 (nay là điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015).

Tại phiên tòa bị cáo Lê Phú B khai nhận hành vi phạm tội như đã khai tại cơ quan điều tra và đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại - anh Phạm Bá S có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên các ý kiến đã trình bày. Anh đã được bị cáo bồi thường số tiền 175.350.000 đồng và không yêu cầu các trách nhiệm dân sự khác, đồng thời có đơn đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo vì thiệt hại không còn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – ông Phạm Bá T (bố đẻ anh Phạm Bá S) thay mặt anh S nhận số tiền bồi thường từ bị cáo B , ông T có đơn xin vắng mặt và không yêu cầu bị cáo B phải bồi thường thêm và có đơn miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo B .

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 (nay là điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự 2015); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo mức án từ 28 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 56-60 tháng; Về dân sự: không; về hình phạt bổ sung: không; Về xử lý vật chứng: Không.

Nói lời sau cùng, bị cáo nhận thức hành vi phạm tội của mình là sai, vi phạm pháp luật. Mong Hội đồng xét xử cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt, cải tạo ngoài xã hội để lao động giúp đỡ gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Long Biên, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Do tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì [Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009](#) có hiệu lực thi hành và tội danh tương ứng của [Bộ luật Hình sự 2015](#) không có lợi hơn cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 để xem xét khi quyết định hình

phạt đối với bị cáo.

[2] Về chứng cứ xác định bị cáo có tội: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Phú B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, phù hợp với tang vật chứng đã thu giữ, biên bản hỏi cung bị can, cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án từ đó đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 06/6/2008 đến ngày 05/8/2008, tại Ngõ Gia Tự, phường Đức Giang, Long Biên, Hà Nội Lê Phú B có hành vi làm dụng tín nhiệm chiếm đoạt số tiền 175.350.000 đồng của Công ty S Dương. Do đó, hành vi của bị cáo thực hiện, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015). Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo: Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam mà bị cáo đã bất chấp thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, để có tác dụng giáo dục bị cáo đồng thời nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm chung, cần có mức hình phạt, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Không có tình tiết tăng nặng.

- Về nhân thân: bị cáo có 01 tiền án (đã được xóa án tích), 01 tiền sự (đã hết thời hiệu). Kể từ thời điểm đó đến nay bị cáo không có hành vi vi phạm pháp luật nào khác.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Xét thấy tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; Trước khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả trả lại tài sản bị chiếm đoạt cho người bị hại và được người bị hại có đơn đề nghị xem xét miễn truy cứu trách nhiệm hình sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, ông Lê Duy Lễ (bố đẻ bị cáo) là người có công với Nhà nước, trong kháng chiến chống Mỹ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang Hạng Ba; ông Lê Đức Dương (bố vợ bị cáo) trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang Hạng Nhất, Hạng Nhì và Hạng Ba, Huân chương chiến T Hạng Nhì; bị cáo hiện đang là lao động chính trong gia đình là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Tại khoản 2 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: “ Điều luật quy định một tội

phạm mới, một hình phạt nặng hơn, một tình tiết tăng nặng mới hoặc hạn chế phạm vi áp dụng án treo, miễn trách nhiệm hình sự, loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, xóa án tích và quy định khác không có lợi cho người phạm tội, thì không được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật có hiệu lực thi hành”. Lẽ ra điều luật áp dụng đối với bị cáo là Điều 175 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, nhưng theo hướng dẫn của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 về việc áp dụng án treo thì việc người phạm tội bỏ trốn và bị các cơ quan tiến hành tố tụng truy nã sẽ không được hưởng án treo, trong khi theo hướng dẫn của Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 về việc áp dụng án treo theo Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 thì bị cáo tại ngoại bỏ trốn trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã đề nghị cơ quan điều tra truy nã mới không được hưởng án treo. Do đó điều luật áp dụng đối với bị cáo là Điều 140 và Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đối chiếu với các quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn thực thi Bộ luật hình sự thấy đáng ra phải xử phạt bị cáo một mức tù trong khung hình phạt nhằm cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới thỏa đáng. Song khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện khắc phục hậu quả, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, bị cáo hiện là lao động chính trong gia đình, có bố đẻ và bố vợ là người có công với Nhà nước nên mở lượng khoan hồng cho bị cáo và chỉ cần xử phạt bị cáo một mức án tù trong khung hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 60 của Bộ luật Hình sự 1999 để tạo điều kiện cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ điều kiện giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa tội phạm, không gây nguy hiểm cho xã hội và không làm ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Khi lượng hình, HĐXX nhận thấy đối với tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” thì tại khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 và khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt như nhau. Tuy nhiên, khi áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 thì với tình tiết bị cáo bỏ trốn và bị truy nã trước giai đoạn xét xử vẫn được hưởng án treo còn đối với Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 việc bị cáo trốn tránh cơ quan điều tra và bị truy nã sẽ không được hưởng án treo. Căn cứ quy định của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 của Quốc Hội và khoản 2 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, khi lượng hình Hội đồng xét xử sẽ áp dụng khoản 2 Điều 140 và Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 để ấn định hình phạt cho bị cáo.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt bổ sung và mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, không có khả năng thi hành phạt bổ sung bằng tiền nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Xét thấy bị hại anh Phạm Bá S do ông)Phạm Bá T đại diện theo ủy quyền đã được bị cáo bồi thường số tiền 175.350.000 đồng, ông T đã nhận đủ tiền và không yêu cầu bồi thường các trách nhiệm dân sự khác, do đó vấn đề trách nhiệm dân sự Tòa án sẽ không đặt ra xem xét nữa.

[7] Về xử lý vật chứng: Không.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 (nay là điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Khoản 2 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 của Quốc Hội.

- **Tuyên bố:** Bị cáo **Lê Phú B** phạm tội “**Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản**”.

- **Xử phạt bị cáo: Lê Phú B 30 (ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng** kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Phú B cho Ủy ban nhân dân phường Quang Trung, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về hình phạt bổ sung: Không

3. Về xử lý vật chứng: Không.

4. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại anh Phạm Bá S do ông Phạm Bá T đại diện theo ủy quyền đã được bị cáo bồi thường số tiền 175.350.000 đồng, ông T đã nhận đủ tiền và không yêu cầu bồi thường các trách nhiệm dân sự khác, do đó về trách nhiệm dân sự Tòa án không xem xét.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lê Phú B phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;
+ Bị cáo Lê Phú B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

+ Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền nơi cư trú;

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- Công an quận Long Biên;
- Chi cục THADS quận Long Biên;
- Sở tư pháp TP Hà Nội;
- Trại tạm giam Công an TP Hà Nội;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.
- Lưu HS, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Hạnh